

BÀI 3

LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT

ThS. Nguyễn Hoàng Mỹ Linh
Giảng viên trường Đại học Ngoại Thương

MỤC TIÊU BÀI HỌC

01

Trình bày được khái niệm, đặc điểm, bản chất và vai trò của pháp luật.

02

Trình bày được kiểu pháp luật và bản chất của pháp luật.

03

Hiểu được 2 thuật ngữ pháp lý quan trọng: Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật

NỘI DUNG BÀI HỌC

3.1. Nguồn gốc, đặc điểm và vai trò của pháp luật

3.2. Bản chất của pháp luật

3.3. Kiểu pháp luật

3.4. Quy phạm pháp luật

3.5. Quan hệ pháp luật

3.1. NGUỒN GỐC, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT

3.1.1

Nguồn gốc của pháp luật

3.1.2

Khái niệm pháp luật

3.1.3

Đặc điểm của pháp luật

3.1.4

Vai trò của pháp luật

3.1.1. NGUỒN GỐC CỦA PHÁP LUẬT

a. Sự ra đời của pháp luật

Nguyên nhân cho sự ra đời của Nhà nước cũng là nguyên nhân cho sự ra đời của pháp luật, cụ thể là:



Nguyên nhân kinh tế

Sự xuất hiện và phát triển của chế độ tư hữu.



Nguyên nhân xã hội

Sự phân chia giai cấp trong xã hội thị tộc dẫn đến mâu thuẫn giai cấp đối kháng phát triển đến mức không thể dung hoà được.

Pháp luật

Là công cụ mà Nhà nước sử dụng để quản lý xã hội.

3.1.1. NGUỒN GỐC CỦA PHÁP LUẬT (tiếp)

b. Con đường hình thành pháp luật

Các con đường hình thành pháp luật: là quá trình, cách thức tạo nên (làm ra) pháp luật trong lịch sử.

Nhà nước chọn lọc, thừa nhận các quy tắc xử sự thông thường trong xã hội (tập quán) và nâng chúng lên thành các quy định pháp luật.	Nhà nước ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.	Nhà nước thừa nhận các quyết định áp dụng pháp luật (của tòa án hoặc các cơ quan hành chính) thành những quy định chung (pháp luật) để áp dụng cho những trường hợp tương tự khác.
Tập quán pháp	Văn bản quy phạm pháp luật	Tiền lệ pháp (án lệ)

3.1.2. KHÁI NIỆM PHÁP LUẬT



Pháp luật là một hệ thống các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội theo những mục tiêu, định hướng cụ thể.

3.1.3. ĐẶC ĐIỂM CỦA PHÁP LUẬT



3.1.4. VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT

Vai trò điều chỉnh	Vai trò bảo vệ	Vai trò giáo dục
Xác định trước cho các chủ thể trong xã hội phải có những ứng xử tương ứng với những tình huống xảy ra theo ý chí của Nhà nước .	Duy trì và bảo vệ trật tự xã hội, lợi ích của giai cấp thống trị .	Tác động lên yếu tố tâm lý, ý thức từ đó giúp con người tạo ra thói quen cân nhắc trước khi thực hiện xử sự, thấy được trách nhiệm đối với chính bản thân và xã hội .

3.2. BẢN CHẤT CỦA PHÁP LUẬT

3.2.1

Bản chất giai cấp

3.2.2

Bản chất xã hội

3.2. BẢN CHẤT CỦA PHÁP LUẬT (tiếp)

**Bản chất
Giai cấp**



**Bản chất
Xã hội**

3.2.1. BẢN CHẤT GIAI CẤP

Pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội;

Pháp luật luôn hướng đến bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị trong xã hội: bảo vệ chế độ sở hữu, tư liệu sản xuất...;

Pháp luật là phương tiện để giai cấp cầm quyền thực hiện sự thống trị của mình với xã hội, thống trị về chính trị, tư tưởng, văn hóa...

3.2.2. BẢN CHẤT XÃ HỘI

Pháp luật là nhà nước – đại diện chính thức của toàn xã hội ban hành nên nó còn hàm chứa tính xã hội;

Ở một chừng mực nhất định pháp luật còn thể hiện ý chí và lợi ích của các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội;

Pháp luật là phương tiện để giải quyết các vấn đề thiết yếu của an sinh xã hội như: ăn, ở, lao động, học tập, dân số, môi trường...

3.3. KIỂU PHÁP LUẬT

3.3.1

Khái niệm

3.3.2

Các kiểu pháp luật

3.3.1. KHÁI NIỆM

Kiểu pháp luật là tổng thể những dấu hiệu cơ bản của pháp luật, thể hiện bản chất giai cấp và những điều kiện tồn tại, phát triển của pháp luật trong một hình thái kinh tế – xã hội nhất định.

3.3.2. CÁC KIỂU PHÁP LUẬT

**Pháp luật
Chủ nô**

**Pháp luật
Phong kiến**

**Pháp luật
Tư sản**

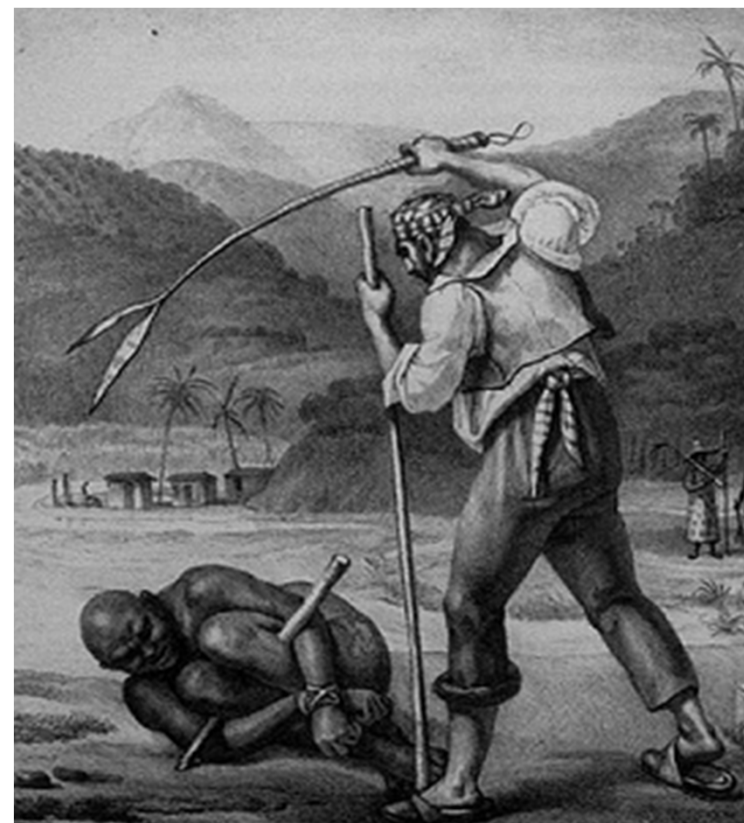
**Pháp luật
Xã hội chủ nghĩa**

3.3.2. CÁC KIỂU PHÁP LUẬT (tiếp)

a. Pháp luật chủ nô

Pháp luật chủ nô có các đặc điểm sau:

- Thừa nhận sự bất bình đẳng trong xã hội, hợp pháp hóa sự bóc lột không có giới hạn của chủ nô đối với nô lệ;
- Ghi nhận sự thống trị tuyệt đối của gia trưởng đối với vợ và các con trong gia đình;
- Quy định hình phạt tàn bạo, dã man;
- Chủ yếu tồn tại dưới hình thức tập quán pháp.



3.3.2. CÁC KIỂU PHÁP LUẬT (tiếp)

b. Pháp luật phong kiến

Pháp luật phong kiến có các đặc điểm sau:

- Thể hiện công khai sự đối xử bất bình đẳng giữa các đẳng cấp khác nhau trong xã hội;
- Dung túng cho việc tùy tiện sử dụng bạo lực trong ứng xử xã hội;
- Rất hà khắc, dã man, xâm phạm nặng nề đến quyền con người;
- Chịu ảnh hưởng sâu sắc của tôn giáo và đạo đức phong kiến.

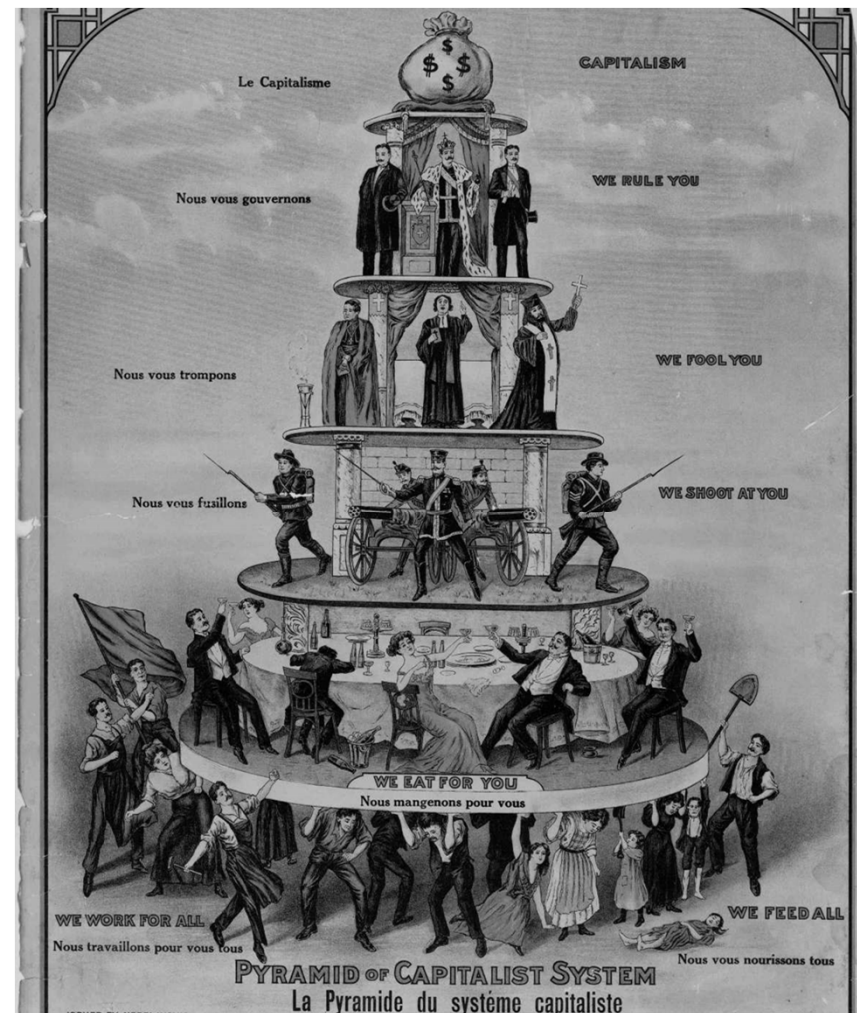


3.3.2. CÁC KIỂU PHÁP LUẬT (Tiếp)

c. Pháp luật tư sản

Pháp luật tư sản có các đặc điểm sau:

- Không những là công cụ để nhà nước quản lý xã hội mà còn là công cụ để giám sát, hạn chế quyền lực của bộ máy nhà nước;
- Thiết lập nguyên tắc mọi công dân bình đẳng trước pháp luật;
- Quy định và bảo vệ các quyền công dân và các quyền con người;
- Bảo vệ chế độ sở hữu tư nhân, coi nó là thiêng liêng và bất khả xâm phạm;



3.3.2. CÁC KIỂU PHÁP LUẬT (Tiếp)

c. Pháp luật tư sản

Pháp luật tư sản có các đặc điểm sau:

- Phát triển tương đối toàn diện, cân đối và đồng bộ;
- Ngày càng trở thành công cụ điều tiết có hiệu quả đối với các quan hệ xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế.



3.3.2. CÁC KIỂU PHÁP LUẬT (Tiếp)

d. Pháp luật xã hội chủ nghĩa

Pháp luật xã hội chủ nghĩa là kiểu pháp luật cuối cùng trong lịch sử, là công cụ để thực hiện sự thống trị của nhân dân lao động đối với thiểu số phần tử bóc lột, thể hiện qua các đặc điểm sau:

- Pháp luật xã hội chủ nghĩa sử dụng các biện pháp cưỡng chế kết hợp với giáo dục thuyết phục;
- Pháp luật xã hội chủ nghĩa thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động;
- Pháp luật xã hội chủ nghĩa có tính thống nhất nội tại cao.

3.4. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

3.4.1

Khái niệm quy phạm pháp luật

3.4.3

Cấu trúc của quy phạm pháp luật

3.4.2

Đặc điểm của quy phạm pháp luật

3.4.4

Phân loại quy phạm pháp luật

3.4.1. KHÁI NIỆM QUY PHẠM PHÁP LUẬT

- Quy phạm pháp luật là một loại quy phạm xã hội. Quy phạm xã hội bao gồm:

Quy phạm đạo đức;

Quy phạm phong tục tập quán;

Quy phạm tôn giáo;

Quy phạm của các tổ chức xã hội.

- Quy phạm pháp luật là các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội theo những định hướng và nhằm đạt được những mục đích nhất định.

3.4.2. ĐẶC ĐIỂM CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT

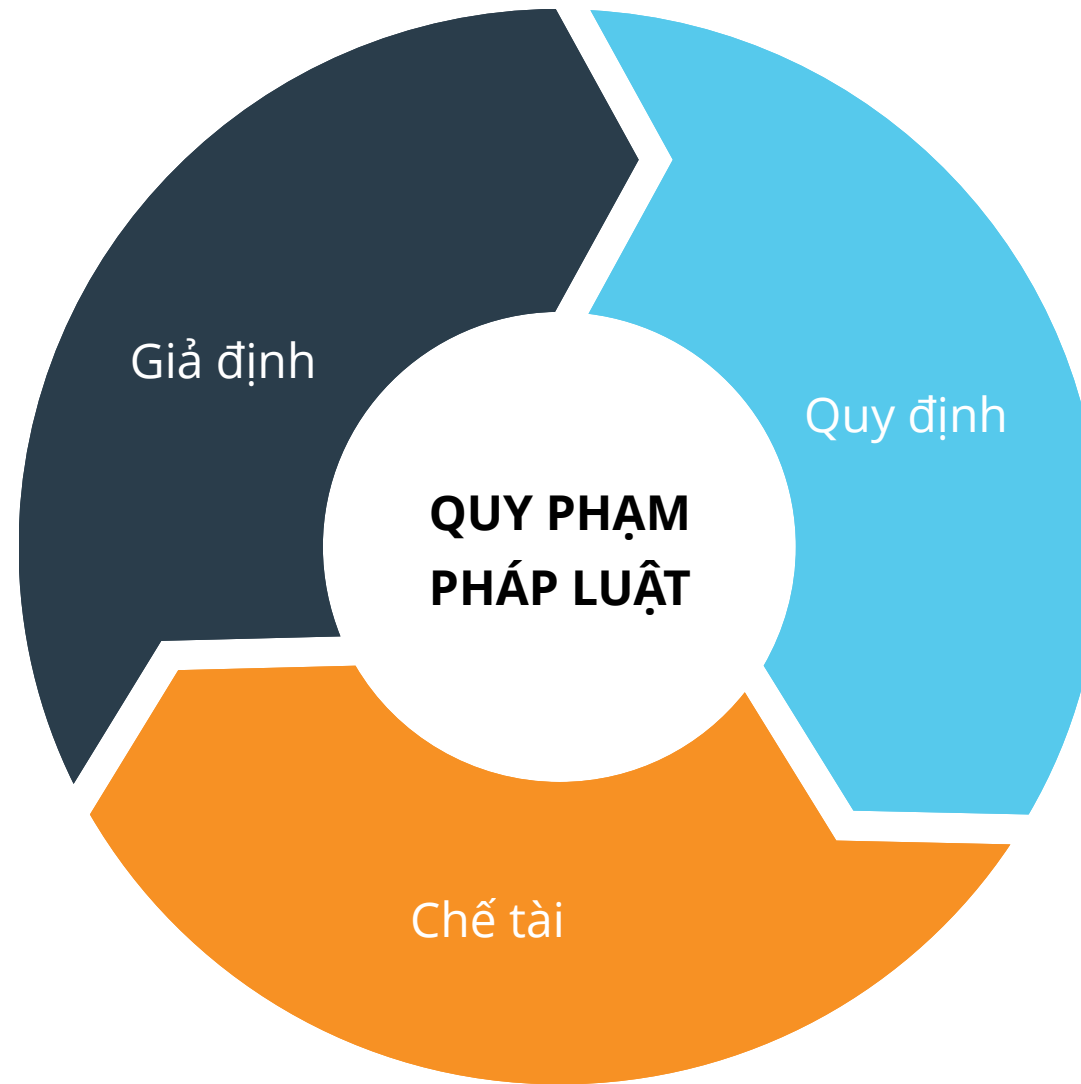
Quy phạm pháp luật là chuẩn mực để đánh giá tính hợp pháp đối với hành vi của con người;

Quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành;

Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự được Nhà nước đảm bảo thực hiện bằng những biện pháp nhất định, mang tính pháp lý;

Các quy phạm pháp luật có mối liên hệ mật thiết với nhau tạo thành hệ thống thống nhất.

3.4.3. CẤU TRÚC CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT



3.4.3. CẤU TRÚC CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT (tiếp)

a. Giả định

- Nêu lên phạm vi tác động của quy phạm pháp luật, tức là, nêu lên những hoàn cảnh, điều kiện có thể xảy ra trong cuộc sống và cá nhân hay tổ chức nào ở vào những hoàn cảnh điều kiện đó phải chịu sự tác động của quy phạm pháp luật đó.

- **Ví dụ 1:**

Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.”

(Khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999)

- **Ví dụ 2:**

Khi chấm dứt hợp đồng thuê khoán, bên thuê khoán phải trả lại tài sản thuê khoán ở tình trạng phù hợp với mức độ khấu hao đã thoả thuận.

(Điều 493 Bộ luật Dân sự 2015)

3.4.3. CẤU TRÚC CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT (tiếp)

b. Quy định

- Nêu lên cách xử sự mà tổ chức hay cá nhân ở vào hoàn cảnh, điều kiện đã nêu trong bộ phận giả định của quy phạm pháp luật được phép hoặc buộc phải thực hiện.
- **Ví dụ 1:**
“Trường hợp các bên không có thoả thuận và pháp luật không quy định thì có thể áp dụng tập quán ...” (Điều 5 Bộ luật Dân sự năm 2015)
- **Ví dụ 2:**
Khi chấm dứt hợp đồng thuê khoán, bên thuê khoán phải trả lại tài sản thuê khoán ở tình trạng phù hợp với mức độ khấu hao đã thoả thuận.
(Điều 493 Bộ luật Dân sự 2015)

3.4.3. CẤU TRÚC CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT (tiếp)

c. Chế tài

- Nêu lên những biện pháp tác động mà Nhà nước dự kiến để đảm bảo cho pháp luật được thực hiện nghiêm minh, vừa có giá trị răn đe, phòng ngừa, vừa có giá trị như những biện pháp trừng trị những chủ thể vi phạm, bù đắp cho người bị thiệt hại.

- **Ví dụ 1:**

Trường hợp có thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ gây ra thì bên có nghĩa vụ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

(Điều 360 Bộ luật Dân sự năm 2015)

- **Ví dụ 2:**

“Người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm”.

(Khoản 1 Điều 100 Bộ luật hình sự năm 1999)

3.4.3. CẤU TRÚC CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT (Tiếp)

d. Một số lưu ý quan trọng

(2) Trật tự giữa các bộ phận trong một quy phạm pháp luật được trình bày rất mềm dẻo và linh hoạt, có trường hợp bộ phận quy định, chế tài đứng trước giả định.

Ví dụ 3: Bên thuê có thể tu sửa và làm tăng giá trị tài sản thuê, nếu được bên cho thuê đồng ý và có quyền yêu cầu bên cho thuê thanh toán chi phí hợp lý. (Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Dân sự 2015).

3.4.3. CẤU TRÚC CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT (Tiếp)

d. Một số lưu ý quan trọng

(1) Không nên đồng nhất giữa điều luật với quy phạm pháp luật.

- **Điều luật = quy phạm pháp luật**

Ví dụ: Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập.

(Điều 39 Hiến pháp 2013)

- **Điều luật = Quy phạm pháp luật 1 + Quy phạm pháp luật 2 +...**

Ví dụ: “**Cá nhân có quyền đối với hình ảnh của mình.** Việc sử dụng hình ảnh của cá nhân phải được người đó đồng ý. Việc sử dụng hình ảnh của người khác vì mục đích thương mại thì phải trả thù lao cho người có hình ảnh, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”.

(Điều 32 Bộ luật Dân sự năm 2015)

3.4.3. CẤU TRÚC CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT (Tiếp)

d. Một số lưu ý quan trọng

(3) Một quy phạm pháp luật thường không có đủ cả 3 bộ phận: giả định, quy định, chế tài. Thường chỉ xuất hiện 2/3 bộ phận.

- **Ví dụ 1:**

Bên thuê có thể tu sửa và làm tăng giá trị tài sản thuê, nếu được bên cho thuê đồng ý và có quyền yêu cầu bên cho thuê thanh toán chi phí hợp lý.

(Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Dân sự 2015)

- **Ví dụ 2:**

“Người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm”.

(Khoản 1 Điều 100 Bộ luật hình sự năm 1999)

3.4.4. PHÂN LOẠI QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Dựa vào các lĩnh vực điều chỉnh của pháp luật:	Dựa vào phương thức điều chỉnh của pháp luật	Dựa vào cách thức thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ thể
Quy phạm pháp luật dân sự Quy phạm pháp luật hình sự Quy phạm pháp luật hành chính ...	Quy phạm pháp luật cho phép Quy phạm pháp luật bắt buộc Quy phạm pháp luật cấm đoán Quy phạm pháp luật hướng dẫn	Quy phạm pháp luật dứt khoát Quy phạm pháp luật không dứt khoát Quy phạm pháp luật tùy nghi...

3.5. QUAN HỆ PHÁP LUẬT

3.5.1

Khái niệm quan hệ pháp luật

3.5.3

Các bộ phận cấu thành quan hệ pháp luật

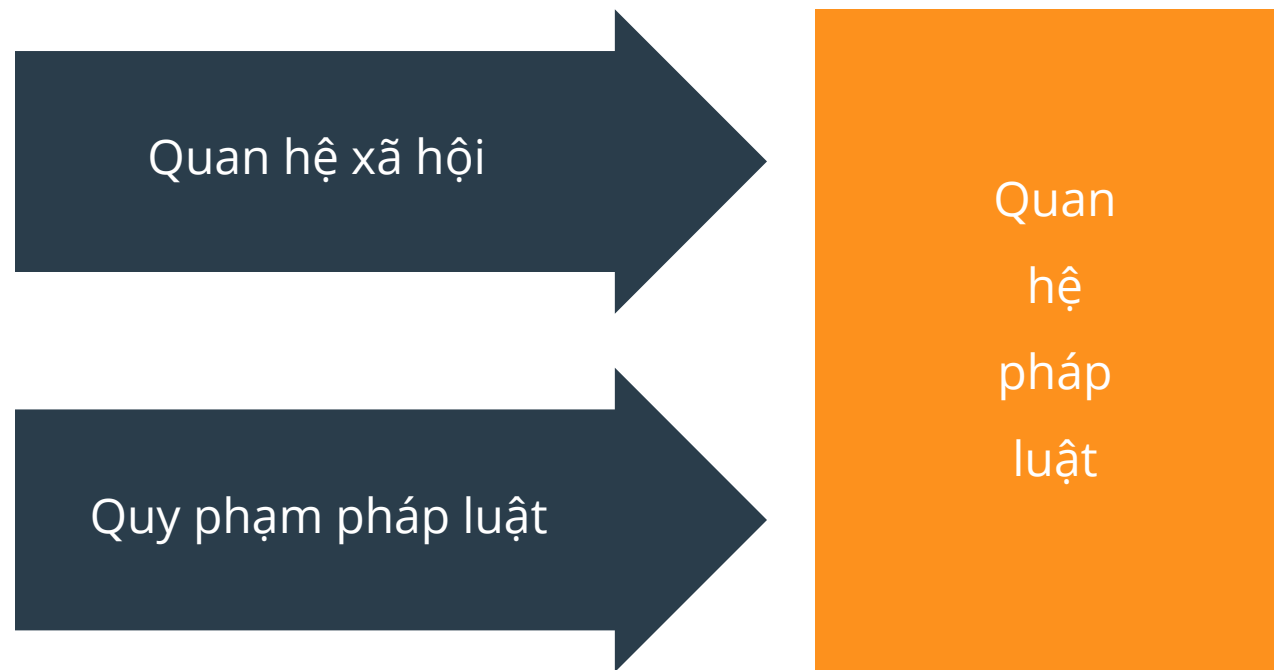
3.5.2

Đặc điểm của quan hệ pháp luật

3.5.4

Sự kiện pháp lý

3.5.1. KHÁI NIỆM QUAN HỆ PHÁP LUẬT



Quan hệ pháp luật là quan hệ giữa người với người (quan hệ xã hội) do một quan hệ pháp luật điều chỉnh, biểu hiện thành quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể của các bên, được đảm bảo bằng cưỡng chế của Nhà nước.

3.5.2. ĐẶC ĐIỂM CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT

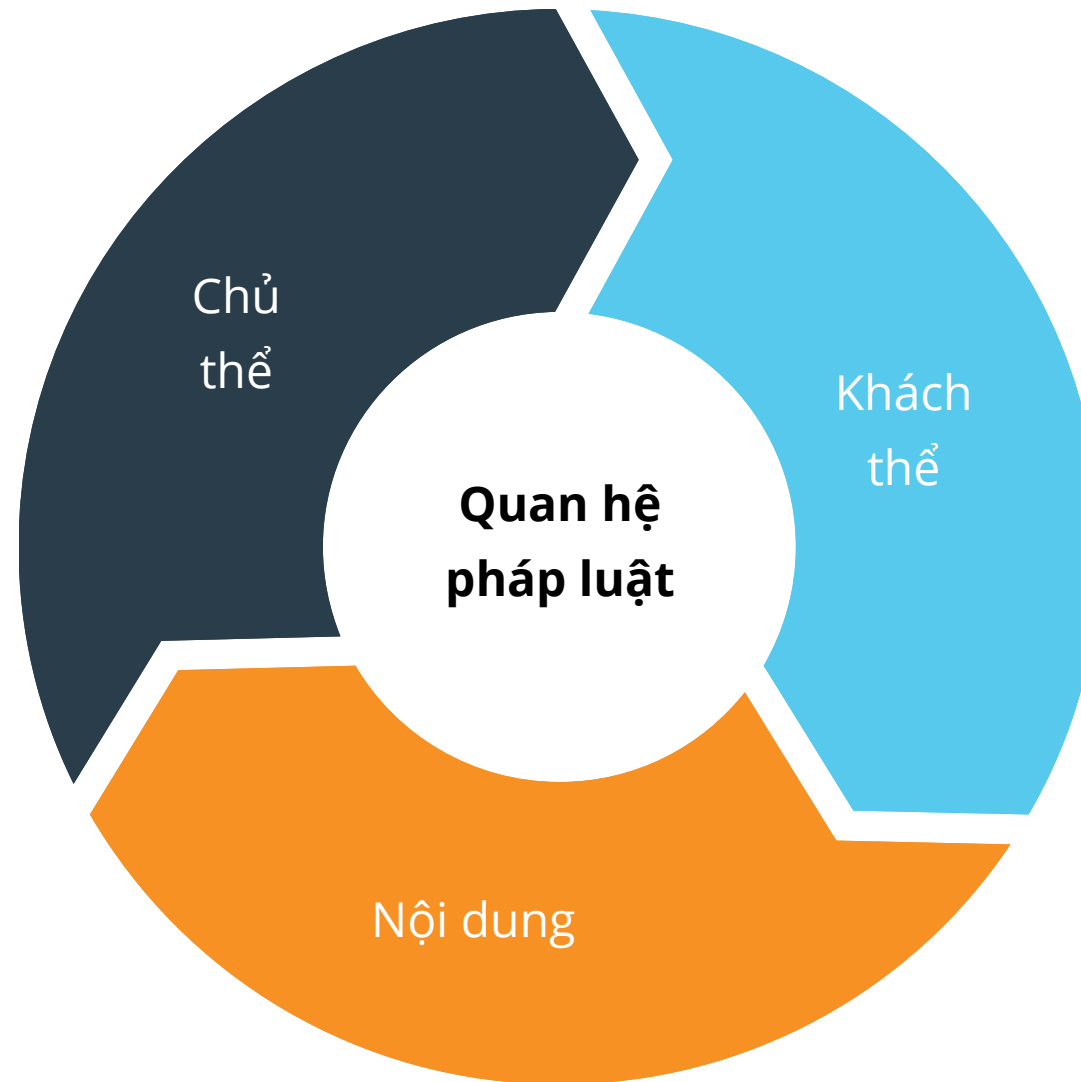
Là quan hệ xã hội có ý chí;

Xuất hiện trên cơ sở các quy phạm pháp luật;

Quy định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể;

Được bảo đảm bằng biện pháp cưỡng chế của Nhà nước.

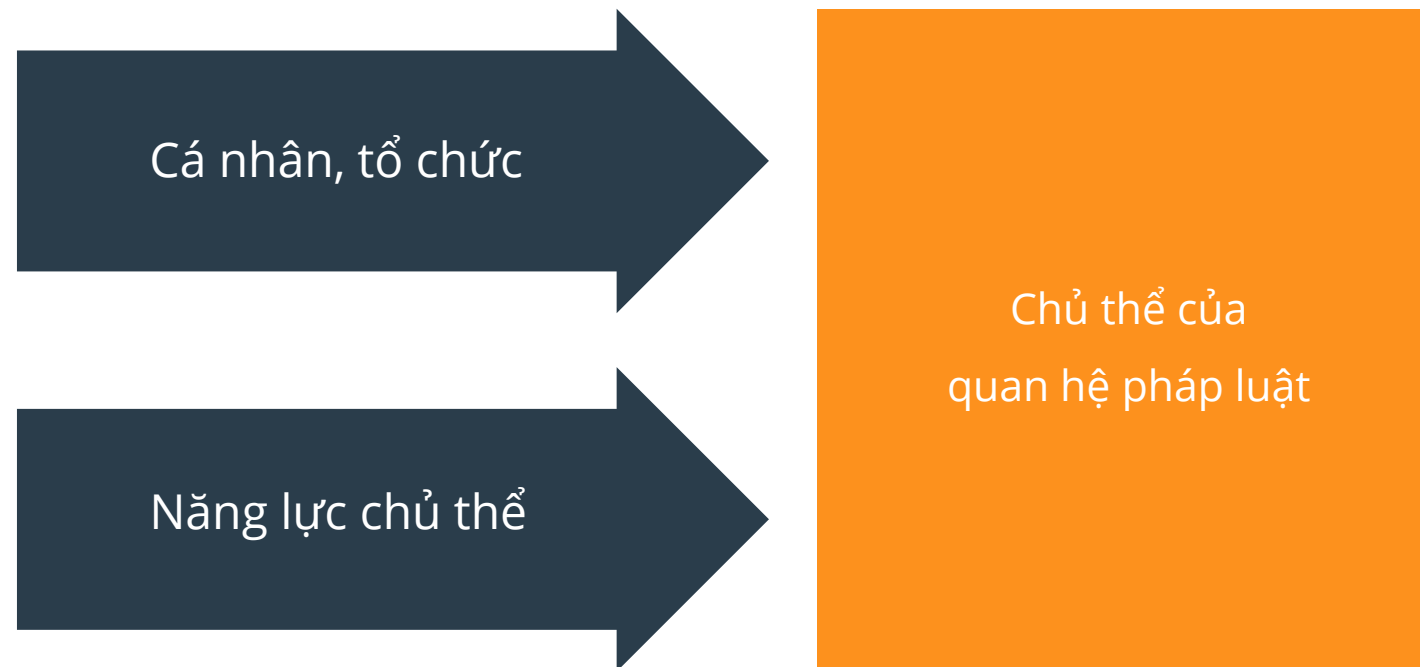
3.5.3. CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH QUAN HỆ PHÁP LUẬT



3.5.3. CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH QUAN HỆ PHÁP LUẬT (tiếp)

a. Chủ thể

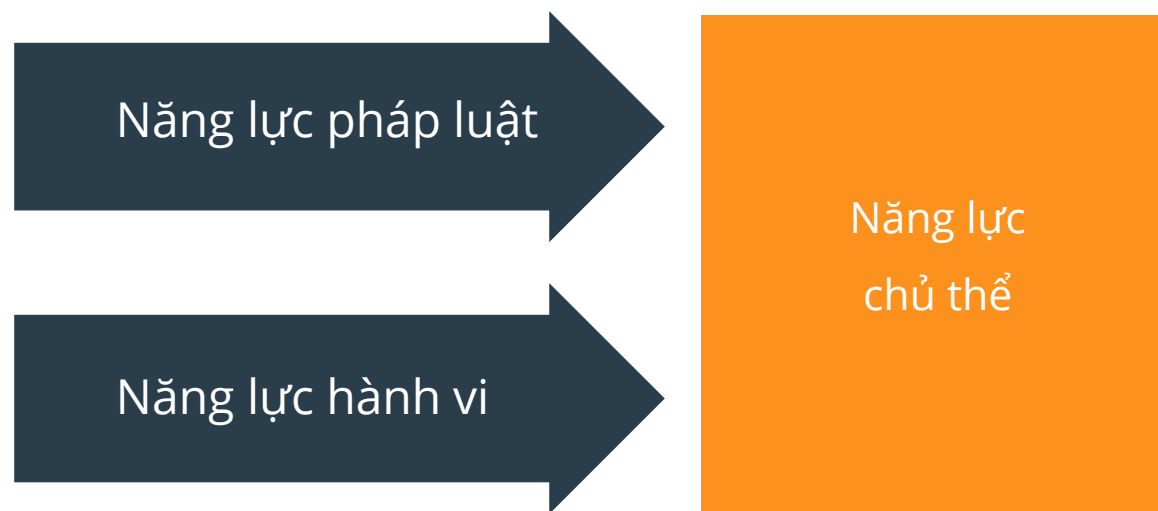
Chủ thể của quan hệ pháp luật là những cá nhân, tổ chức có năng lực chủ thể, tham gia vào các quan hệ pháp luật và Nhà nước trao cho những quyền và nghĩa vụ chủ thể nhất định.



3.5.3. CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH QUAN HỆ PHÁP LUẬT (tiếp)

Năng lực pháp luật

- Năng lực pháp luật là khả năng được hưởng quyền hoặc có nghĩa vụ pháp lý mà nhà nước quy định cho các cá nhân hoặc tổ chức nhất định;
- Năng lực pháp luật được nhà nước quy định là như nhau đối với từng loại chủ thể:



Năng lực hành vi

- Năng lực hành vi là khả năng mà nhà nước thừa nhận cho các cá nhân, tổ chức bằng hành vi của mình có thể xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý;
- Năng lực hành vi của cá nhân phụ thuộc vào độ tuổi và khả năng nhận thức của cá nhân.

3.5.3. CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH QUAN HỆ PHÁP LUẬT (tiếp)

b. Khách thể

Khách thể của quan hệ pháp luật là những lợi ích vật chất, lợi ích tinh thần hoặc các lợi ích xã hội khác mà các chủ thể mong muốn đạt được khi tham gia các quan hệ pháp luật.



3.5.3. CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH QUAN HỆ PHÁP LUẬT (Tiếp)

c. Nội dung

- **Nội dung của quan hệ pháp luật** chính là quyền và nghĩa vụ của chủ thể tham gia quan hệ pháp luật đó.
- Trong quan hệ pháp luật, quyền và nghĩa vụ chủ thể được hình thành bằng hai con đường:
 - Theo quy định của pháp luật về năng lực chủ thể;
 - Theo thỏa thuận của các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật.

QUYỀN

Là khả năng chủ thể được xử sự theo những cách thức nhất định mà pháp luật cho phép.

NGHĨA VỤ

Là cách xử sự mà chủ thể buộc phải thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm đáp ứng việc thực hiện quyền của chủ thể khác.

3.5.3. CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH QUAN HỆ PHÁP LUẬT (Tiếp)

Chủ thể thực hiện quyền của mình có thể bằng một trong các hình thức sau:	Chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng một trong các hình thức sau:
<ul style="list-style-type: none">• Xử sự theo cách thức nhất định phù hợp với quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của các bên;• Yêu cầu chủ thể khác tôn trọng hoặc chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ;• Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ lợi ích của mình;• Ủy quyền cho người khác thực hiện quyền của mình.	<ul style="list-style-type: none">• Chủ động thực hiện các hành vi nhất định theo yêu cầu của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của các bên;• Kiểm chế không thực hiện hành vi nhất định phù hợp với quy định của pháp luật và sự thỏa thuận giữa các bên;• Gánh chịu các hậu quả bất lợi khi không thực hiện nghĩa vụ chủ thể.

3.5.4. SỰ KIỆN PHÁP LÝ

- a. Khái niệm: Sự kiện pháp lý là các sự kiện thực tế mà sự xuất hiện hay mất đi của chúng được pháp luật gắn liền với việc hình thành, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật.
- b. Các loại sự kiện pháp lý:

Sự biến	Hành vi	
Là những hiện tượng xảy ra trong tự nhiên hoặc trong xã hội nằm ngoài ý chí của con người .	Là những sự kiện xảy ra theo ý chí của con người , biểu hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động.	
	Hành vi hợp pháp	Hành vi bất hợp pháp

TỔNG KẾT NỘI DUNG BÀI HỌC

- 1 Nguồn gốc, đặc điểm và vai trò của pháp luật
- 2 Bản chất của pháp luật
- 3 Kiểu pháp luật
- 4 Quy phạm pháp luật
- 5 Quan hệ pháp luật